

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ
CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2021**



Tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Nghiêm Văn Thắng	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		243.548.740.757	1.099.343.637.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	911.739.989	885.255.561.683
1. Tiền	111		911.739.989	1.255.561.683
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	884.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		234.000.000.000	205.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	234.000.000.000	205.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.264.072.239	6.775.706.485
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	107.334.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.030.975.000	4.021.075.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.954.172.239	6.475.706.485
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.721.075.000)	(3.828.409.246)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.372.928.529	2.312.369.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.237.199	90.533.601
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		226.408.541	150.552.702
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	10	2.071.282.789	2.071.282.789
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.483.765.736.715	1.601.465.479.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.590.300	87.590.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	87.590.300	87.590.300
II. Tài sản cố định	220		1.297.270.014	1.352.708.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.297.270.014	1.352.708.673
- Nguyên giá	222		1.660.713.818	1.660.713.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.443.804)	(308.005.145)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		142.000.000	142.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.000.000)	(142.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	2.482.251.059.988	1.599.902.095.153
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.310.485.744.148	1.426.733.774.148
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		230.899.972.315	230.899.972.315
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.134.656.475)	(57.731.651.310)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		129.816.413	123.085.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		129.816.413	123.085.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.727.314.477.472	2.700.809.116.565

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		941.311.722	888.032.662
I. Nợ ngắn hạn	310		941.311.722	888.032.662
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		151.659.750	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	27.663.209	22.469.224
3. Phải trả người lao động	314		339.116.461	201.715.872
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		271.337.666	519.866.500
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		151.534.636	143.981.066
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.726.373.165.750	2.699.921.083.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	2.726.373.165.750	2.699.921.083.903
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		255.927.481.378	245.042.505.974
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(14.364.328.733)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.554.315.628)	(30.757.093.338)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(30.757.093.338)	(106.382.393.081)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.202.777.710	75.625.299.743
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.727.314.477.472	2.700.809.116.565



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	THUYẾT MINH	Quý I/2021	Quý I/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	4.297.745.805	14.668.740.084
7. Chi phí tài chính	22	14	1.403.005.165	481.662.027
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	1.691.962.930	2.942.528.182
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-23-24)	30		1.202.777.710	11.244.549.875
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.202.777.710	11.244.549.875
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.202.777.710	11.244.549.875

Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trình Quốc Dũng
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I/2021	Quý I/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.202.777.710	11.244.549.875
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	55.438.659	15.715.416
- Các khoản dự phòng	03	1.403.005.165	481.662.027
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.297.745.805)	(14.668.740.084)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.636.524.271)	(2.926.812.766)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(96.755.839)	6.115.487.510
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	53.279.060	(131.858.442)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.565.168	205.293.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.671.435.882)	3.262.109.509
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(107.000.000.000)	(1.020.000.000.000)
- Trong đó: Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(107.000.000.000)	(1.020.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	78.000.000.000	64.250.000.000
- Trong đó: Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		78.000.000.000	64.250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(883.751.970.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.830.280.051	6.764.192.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(907.921.689.949)	(948.985.807.805)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I/2021	Quý I/2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.249.304.137	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.249.304.137	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(884.343.821.694)	(945.723.698.296)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	885.255.561.683	955.295.368.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	911.739.989	9.571.670.241



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 02 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 92 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.	74,49%	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi
Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (*)	Tiểu khu Cơ quan Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	51,00%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP (**)	92 Võ Thị Sáu, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	16,23%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng	Số 31 Ngô Văn Sở, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	38,30%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Lô 5 KCN Điện Nam–Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	40,06%	Sản xuất ống nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa

(*) Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 04 tháng 02 năm 2021 Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 51% (bao gồm trực tiếp là 26,78% và gián tiếp thông qua Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP là 24,22%).

(**) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam- Công ty cổ phần dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần thông qua đại diện trong Hội đồng quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, theo đó yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì

thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Tiền gửi ngân hàng	911.739.989	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền	-	884.000.000.000
	<u>911.739.989</u>	<u>885.255.561.683</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	234.000.000.000	234.000.000.000	205.000.000.000	205.000.000.000
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	234.000.000.000	234.000.000.000	205.000.000.000	205.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	234.000.000.000	234.000.000.000	205.000.000.000	205.000.000.000

(i) Số dư tại 31 tháng 03 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9% đến 7%/năm (tại ngày 01/01/2021: lãi suất từ 5,5% đến 7%/năm).

	31/03/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.482.251.059.988	(59.134.656.475)		1.599.902.095.153	(57.731.651.310)
Đầu tư vào công ty con		2.310.485.744.148	-		1.426.733.774.148	-
- Tổng Công Ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP	74,49%	1.426.733.774.148	-	74,49%	1.426.733.774.148	-
- Công ty CP giống Bò sữa Mộc Châu (*)	51,00%	883.751.970.000	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		230.899.972.315	(59.134.656.475)		230.899.972.315	(57.731.651.310)
- Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	38,30%	80.622.827.315	-	38,30%	80.622.827.315	-
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (**)	16,23%	82.777.145.000	(27.231.007.812)	16,23%	82.777.145.000	(26.874.203.081)
- Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung	40,06%	67.500.000.000	(31.903.648.663)	40,06%	67.500.000.000	(30.857.448.229)
Cộng		2.716.251.059.988	174.865.343.525		1.804.902.095.153	147.268.348.690

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty căn trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(*) Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 04 tháng 02 năm 2021 Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 51% (bao gồm trực tiếp là 26,78% và gián tiếp thông qua Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP là 24,22%).

(**) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần thông qua đại diện trong Hội đồng quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Trả trước tiền mua hàng hóa	4.030.975.000	4.021.075.000
	<u>4.030.975.000</u>	<u>4.021.075.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.954.172.239	6.475.706.485
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	4.658.389.039	5.190.923.285
- Tạm ứng	19.000.000	8.000.000
- Các khoản phải thu khác	1.276.783.200	1.276.783.200
b. Dài hạn	87.590.300	87.590.300
- Ký quỹ, ký cược	87.590.300	87.590.300
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 17)	<u>1.276.783.200</u>	<u>1.276.783.200</u>

8. NỢ XẤU

	<u>31/03/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	3.721.075.000	-	3.828.409.246	-
Công ty TNHH liên doanh DMC-VTS	3.721.075.000	-	3.721.075.000	-
Công ty CP đầu tư và dịch vụ công nghiệp Thái Nguyên	-	-	107.334.246	-
	<u>3.721.075.000</u>	<u>-</u>	<u>3.828.409.246</u>	<u>-</u>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	<u>1.467.313.818</u>	<u>193.400.000</u>	<u>1.660.713.818</u>
Số dư cuối kỳ	<u>1.467.313.818</u>	<u>193.400.000</u>	<u>1.660.713.818</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	167.396.810	140.608.335	308.005.145
Khấu hao trong kỳ	47.896.992	7.541.667	55.438.659
Số dư cuối kỳ	<u>215.293.802</u>	<u>148.150.002</u>	<u>363.443.804</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>1.299.917.008</u>	<u>52.791.665</u>	<u>1.352.708.673</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.252.020.016</u>	<u>45.249.998</u>	<u>1.297.270.014</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 102.900.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 102.900.000 VND).

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải thu/nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thu/nộp trong kỳ</u>	<u>31/03/2021</u>
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	-	-	2.071.282.789
Cộng	<u>2.071.282.789</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.071.282.789</u>
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	22.469.224	91.829.461	86.635.476	27.663.209
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>22.469.224</u>	<u>94.829.461</u>	<u>89.635.476</u>	<u>27.663.209</u>

533
NG
PH
FC
UNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	2.500.000.000.000	245.042.505.974	-	(106.382.393.081)	2.638.660.112.893
Lãi trong năm	-	-	-	75.625.299.743	75.625.299.743
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(14.364.328.733)	-	(14.364.328.733)
Số dư cuối năm trước	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(14.364.328.733)	(30.757.093.338)	2.699.921.083.903
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(14.364.328.733)	(30.757.093.338)	2.699.921.083.903
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.202.777.710	1.202.777.710
Bán cổ phiếu quỹ	-	10.884.975.404	14.364.328.733	-	25.249.304.137
Số dư cuối kỳ	2.500.000.000.000	255.927.481.378	-	(29.554.315.628)	2.726.373.165.750

Vốn điều lệ

Cổ phiếu	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	249.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	249.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 02 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		31/03/2021	01/01/2021
	VND	Tỷ lệ	VND	VND
Công ty cổ phần Sữa Việt Nam	1.875.000.000.000	75,00%	1.875.000.000.000	1.875.000.000.000
Cổ đông khác	625.000.000.000	25,00%	625.000.000.000	624.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-		-	1.000.000.000
			2.500.000.000.000	2.500.000.000.000

12. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/03/2021	01/01/2021
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	330.361.200	330.361.200
Trên 1 năm đến 5 năm	330.361.200	412.951.500

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo hợp đồng thuê văn phòng dài hạn số 06/2020/HĐ-VP ngày 26 tháng 03 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 09/2020/PLHĐ-VP ngày 10 tháng 04 năm 2020. Thời hạn thuê là ba năm từ ngày 27 tháng 04 năm 2020 đến ngày 26 tháng 04 năm 2023.

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.297.745.805	14.668.740.084
Cộng	4.297.745.805	14.668.740.084

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.403.005.165	481.662.027
Cộng	1.403.005.165	481.662.027

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	824.550.817	1.761.946.169
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.219.122	12.406.464
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.438.659	15.715.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.430.708	962.919.349
Chi phí khác	695.323.624	189.540.784
Cộng	1.691.962.930	2.942.528.182

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.202.777.710	11.244.549.875
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.202.777.710)	(23.044.790.259)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	229.420.267	(11.244.549.875)
- Các khoản chi phí không được khấu trừ khác	229.420.267	555.690.509
Chuyển lỗ	(1.432.197.977)	(11.800.240.384)

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số tiền: VND

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
Mua hàng		
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần	-	177.022.800
- Mua dịch vụ	-	177.022.800

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Phải thu khác		
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần	1.276.783.200	1.276.783.200

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Quý I/2021</u> VND	<u>Quý I/2020</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	326.000.000	645.475.159



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám Đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021